TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 269/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-10-2019
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận.
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2019 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 303/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 và các lời khai tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D thành hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, chị L và anh D sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/5/2019 chị L đang nuôi dạy, chị L yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh D thống nhất nội dung trình bày của chị L về hôn nhân là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, anh D và chị L sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Anh D đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/5/2019 chị L đang nuôi dạy. Anh D đồng ý giao Nguyễn Thị Ngọc T cho chị L nuôi, anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh D nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D thành hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 96/2018 ngày 18/4/2018. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Chị L cho rằng trong quá trình chung sống, chị L và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm chăm sóc vợ con, chị L và anh D sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/5/2019 chị L đang nuôi dạy, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng. Anh D đồng ý giao Nguyễn Thị Ngọc T cho chị L nuôi, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng. Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Ngọc T hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị L. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/5/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng, anh D đồng ý cấp dưỡng cho Nguyễn Thị Ngọc T mỗi tháng 750.000 đồng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 24/5/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh D thực hiện quyền này. Buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Ngọc T mỗi tháng 750.000 đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 25/10/2019.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị L phải chịu 300.000 đồng. Chị L có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003485 ngày 29/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân